

Bản án số: 173/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 -9 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Trục

2. Bà Trương Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lục Văn B; Sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C L, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Vi Hoài T; Sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản N M, xã N M, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án anh B trình bày: Anh B và chị T tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N M, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10 tháng 6 năm 2014. Sau khi lấy nhau sống chung được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng luôn bất hòa, cãi nhau thường xuyên. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Sau khi ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh B không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên có nguyện vọng xin ly hôn.

Về con chung: Anh B và chị T có 01 con chung là cháu Vi Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2014 lâu nay chị T đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn anh B tự nguyện để chị T tiếp tục nuôi con. Anh B không cấp dưỡng. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Vi Hoài T trình bày: Chị T và anh B tự nguyện lấy nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn như anh B trình bày là đúng. Do không hợp nhau về quan điểm sống nên vợ chồng không hạnh phúc. Thực tế anh chị đã ly thân và không còn tình cảm. Nay anh B làm đơn ly hôn chị T đồng ý ly hôn. Chị T có đơn từ chối hòa giải vì không còn tình cảm gì và chị cũng có nguyện vọng ly hôn.

Về con chung: Chị T công nhận chị và anh B có 01 con chung là cháu Vi Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2014 lâu nay chị T đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Lục Văn B và chị Vi Hoài T đều có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho anh B ly hôn chị T. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2014 cho đến khi thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Lục Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

Việc xét xử vụ án theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 và điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 238 của BLTTDS.

[2] *Về nội dung:* Anh Lục Văn B và chị Vi Hoài T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn anh Lục Văn B và chị Vi Hoài T đã đến mức trầm trọng. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Nay anh B và chị T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm đến nhau. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh B ly hôn chị T.

Về con chung. Căn cứ các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Vi Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2014 cho chị Vi Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Lục Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lục Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về án phí*: Anh Lục Văn B chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 227; Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lục Văn B. Xử cho anh Lục Văn B ly hôn chị Vi Hoài T.

3. Về con chung: Giao cháu Vi Thị Kim N, sinh ngày 27/10/2014 cho chị Vi Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Lục Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lục Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung : Không có

4. Về án phí: Anh Lục Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007634 ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T (anh B đã nộp đủ)

Án sơ thẩm vắng mặt anh Lục Văn B và chị Vi Hoài T. Anh B và chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
THA dân sự huyện B T
- ...
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên